

VỀ TRƯỜNG HỢP MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CHO NGƯỜI PHẠM TỘI ĐƯA HỐI LỘ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUA HAI VỤ ÁN

*Trịnh Tiến Việt**

I. Khái niệm tội đưa hối lộ và những điều kiện miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội đưa hối lộ

1. Khái niệm tội đưa hối lộ. Như chúng ta đã biết, cùng với những tội phạm khác như: nhận hối lộ và môi giới hối lộ, tội đưa hối lộ cũng là một trong các loại tội phạm nguy hiểm xâm phạm hoạt động đúng đắn và uy tín của Bộ máy Nhà nước ta, nó gây tác hại đến rất nhiều mặt của đời sống xã hội. Do đó, Nhà nước ta coi hành vi đưa hối lộ cũng nguy hiểm như hành vi nhận hối lộ vì thông qua việc dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác, người đưa hối lộ đã làm hư hỏng và tha hóa một bộ phận cán bộ, công chức Nhà nước. Hơn nữa, "*mua chuộc cán bộ, đảng viên bằng tiền hoặc lợi ích vật chất không chỉ làm mất cán bộ, mà thông qua đó xâm phạm đến sự sống còn của chế độ. Chính vì vậy, hối lộ được coi là giặc nội xâm, không chỉ đối với hành vi nhận hối lộ mà cả đối với hành vi đưa hối lộ*"¹.

Cho nên, một trong những nhiệm vụ cấp bách mà Đảng và Nhà nước ta đặt ra hiện nay là chống mọi hành vi hối lộ dưới các hình thức và cách thức. Một mặt, chúng ta phải đấu tranh kiên quyết và triệt để với tệ hối lộ, nhưng mặt khác cần đưa ra các biện pháp để xử lý nghiêm khắc hành vi nhận hối lộ của những người có chức vụ, quyền hạn, đồng thời xử phạt thích đáng những hành động đưa hối lộ và môi giới hối lộ. Tội đưa hối lộ được quy định tại Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ở đây, chủ thể của tội này vì những lợi ích khác nhau mà họ đã đưa hối lộ cho người có chức vụ, quyền

hạn, qua đó xâm phạm hoạt động đúng đắn của Nhà nước, làm giảm uy tín của Đảng và Nhà nước ta trước quần chúng nhân dân. Lợi ích của người đưa hối lộ ở đây có thể là lợi ích trực tiếp của bản thân người đưa hối lộ, có thể là lợi ích của những người thân thích, gia đình hoặc cũng có thể là lợi ích của cơ quan, tổ chức mà người đưa hối lộ làm đại diện hoặc thành viên...²

Đối với tội đưa hối lộ, tội phạm được coi là hoàn thành từ lúc người đưa hối lộ đã đưa ra yêu cầu và người có chức vụ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác (bất kể người có chức vụ có đồng ý hay không) hoặc đã chấp nhận sự đòi hỏi hối lộ của người có chức vụ, quyền hạn. Trong trường hợp người đưa hối lộ mới yêu cầu người có chức vụ, quyền hạn nhận tài sản mà chưa đưa ra tài sản cụ thể thì tội phạm chỉ được coi là hoàn thành khi người có chức vụ, quyền hạn đồng ý và nhận tài sản đó.

Như vậy, trên cơ sở quy định về tội đưa hối lộ ghi nhận tại Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999, kết hợp với thực tiễn xét xử loại tội phạm này, dưới góc độ khoa học luật hình sự, khái niệm tội đưa hối lộ có thể được hiểu là hành vi của người đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng trở lên hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần cho người có chức vụ, quyền hạn để người này làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. Theo đó, từ khái niệm này có thể rút ra một số đặc điểm của tội đưa hối lộ như sau:

Thứ nhất, tội đưa hối lộ là hành vi của người đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất

* Thạc sỹ Luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Xem cụ thể hơn: *Thu Trang*. Đưa hối lộ: Trị thật nghiêm nhưng... Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 19/12/2004, tr. 6-7.

² Xem: *Võ Khánh Vinh*. Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về chức vụ. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 111-112.

khác cho người có chức vụ, quyền hạn để người này làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

Thứ hai, tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác mà người phạm tội dùng để đưa hối lộ phải có giá trị từ năm trăm nghìn đồng trở lên. Trường hợp nếu giá trị tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới năm trăm nghìn đồng thì phải có thêm điều kiện là gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần.

Thứ ba, người đưa hối lộ là người đã chú ý (quan tâm) đến các việc làm nhất định của người có chức vụ, quyền hạn bởi những việc làm đó nhằm phục vụ (giải quyết) những yêu cầu đáp ứng một số lợi ích (quyền lợi) của bản thân họ.

Thứ tư, người được người phạm tội đưa hối lộ là người có chức vụ, quyền hạn, để người này làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

Tuy nhiên, hiện nay trong thực tế có một vấn đề đặt ra là: có coi là phạm tội đưa hối lộ hay không trong trường hợp người có việc đưa tài sản cho người có chức vụ, quyền hạn, nhưng trong thực tế người này không có khả năng làm hoặc không làm một việc đã thỏa thuận (?). Về điều này, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm của PGS-TS Võ Khánh Vinh khi cho rằng hành vi này vẫn cấu thành tội đưa hối lộ đã hoàn thành. Bởi lẽ, điều luật quy định về tội đưa hối lộ mà không ràng buộc rằng người có chức vụ, quyền hạn đã làm hay chưa làm một việc nào đó. Hơn nữa, khi giao của hối lộ, thì người đưa hối lộ hoàn toàn không biết khả năng thực tế của người có chức vụ, quyền hạn, mà cho rằng người đó hoàn toàn có khả năng làm việc hoặc không làm một việc đã thỏa thuận, vì thế quyết định đưa hối lộ do vậy đã thực hiện ý định phạm tội của mình...³.

2. Những điều kiện miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội đưa hối lộ. Do tính nghiêm trọng của tội đưa hối lộ nên pháp luật quy định hình phạt nói chung cũng rất nghiêm

khác (cao nhất có thể bị tử hình), tùy thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Tuy nhiên, cũng có trường hợp người đưa hối lộ được miễn trách nhiệm hình sự bởi Nhà nước không buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự khi người đó vì một lý do đặc biệt không thể tự giải quyết được mà phải đưa hối lộ theo yêu cầu của người có chức vụ, quyền hạn, đồng thời tạo điều kiện cho người đưa hối lộ có điều kiện ăn năn hối cải, sửa chữa sai lầm, qua đó để phát hiện, xử lý và nghiêm trị những người nhận hối lộ.

Theo đó, những điều kiện để các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền xem xét quyết định miễn trách nhiệm hình sự hay không đối với người đưa hối lộ được ghi nhận tại đoạn 2 khoản 6 Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999 với nội dung như sau: “Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ”.

Như vậy, người phạm tội đã thực hiện các hành vi cấu thành tội đưa hối lộ nghĩa là đã đưa ra và yêu cầu người có chức vụ, quyền hạn nhận tiền của hoặc chấp nhận sự đòi hỏi hối lộ của người có chức vụ, quyền hạn. Do đó, họ đã phạm tội đưa hối lộ và lẽ ra họ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này, song do khi chưa bị phát giác, mặc dù không bị ép buộc và bản thân có thể giữ kín mà không ai biết nhưng họ đã chủ động khai báo và tự khai nhận về hành vi phạm tội của mình và tố giác hành vi phạm tội của người có chức vụ, quyền hạn trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Với hành động như vậy đã thể hiện sự tự ăn năn hối cải, khai báo hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, pháp luật hình sự quy định trường hợp này có thể được xem xét để miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội.

Những điều kiện để một người phạm tội đưa hối lộ có thể được miễn trách nhiệm hình sự bao gồm:

Thứ nhất, người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội thỏa mãn cấu thành tội đưa hối lộ theo quy định của Bộ luật Hình sự năm

³ Xem: Võ Khánh Vinh. Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm... sdd, tr. 111.

1999 (Điều 289). Điều đó có nghĩa, hành vi của người đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng trở lên hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần đối với người có chức vụ, quyền hạn để người này làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của mình.

Thứ hai, mặc dù chưa bị phát giác và không bị bất kỳ ai ép buộc nhưng người phạm tội đã chủ động khai báo, tự khai nhận về hành vi phạm tội của mình và tố giác hành vi phạm tội của người có chức vụ, quyền hạn trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ở đây, cũng cần lưu ý một số dấu hiệu sau:

1) Chưa bị phát giác: có nghĩa là các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền (hay các cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp luật) hoặc các cơ quan, tổ chức khác chưa biết được việc đưa hối lộ;

2) Không bị ai ép buộc: có nghĩa là người đưa hối lộ không bị bất kỳ người nào buộc làm một việc không theo ý muốn chủ quan của mình và,

3) Chủ động khai báo trước khi bị phát giác: có nghĩa là người đưa hối lộ đã khai báo về hành vi phạm tội của mình và tố giác hành vi phạm tội của người có chức vụ, quyền hạn trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi bị phát hiện (phát giác, tố giác, tố cáo). Việc chủ động khai báo ở đây có thể được tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau như: bằng lời nói (trực tiếp) hoặc bằng văn bản (gián tiếp), chủ động khai báo có thể với bất kỳ cơ quan Nhà nước nào, có thể là các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền (hay các cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp luật), cơ quan, tổ chức nơi mình công tác hoặc làm việc, chính quyền địa phương nơi mình cư trú hoặc với người có chức vụ, quyền hạn nhất định... Lý do của việc chủ động khai báo rất đa dạng: có thể do người phạm tội nhận thức ra hành vi sai trái của mình, của người nhận hối lộ, có thể do sợ bị pháp luật trừng trị và phải chịu hình phạt, hoặc cũng có thể do người có chức vụ, quyền hạn đã nhận hối lộ nhưng không thực hiện theo yêu cầu của mình (đã thỏa thuận)...

Như vậy, nếu đáp ứng đầy đủ *những điều kiện* trên thì người phạm tội đưa hối lộ mới có thể được các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền xem xét miễn trách nhiệm hình sự chứ không phải họ đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự. Việc có áp dụng hay không áp dụng biện pháp miễn trách nhiệm hình sự lúc này lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của các cơ quan tư pháp hình sự đó tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng căn cứ vào tình hình thực tế của từng vụ án cụ thể, vào yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm, vào khả năng cải tạo, giáo dục người phạm tội (cần nhắc đến thái độ ăn năn hối cải, hạn chế thiệt hại đã xảy ra, dư luận xã hội, mức độ góp phần vào công tác phát hiện, điều tra và xử lý những người nhận hối lộ...), cũng như nhân thân của chính bản thân người phạm tội đó.

II. Thực tiễn áp dụng trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội đưa hối lộ qua hai vụ án hình sự

1. Nội dung hai vụ án đưa hối lộ. Hiện nay, xung quanh vấn đề đưa hối lộ rồi chủ động tố cáo (khai báo) - nên xử lý hình sự hay không đang là nội dung được tranh luận sôi nổi trên các diễn đàn. Về vấn đề này, Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra hai vụ án mà người tố cáo bị khởi tố về tội đưa hối lộ để bạn đọc trao đổi. Nội dung vụ việc như sau⁴:

1) Vụ thứ nhất: Ông Nguyễn Thanh G đại diện cho gia đình trong một vụ kiện tranh chấp quyền sở hữu nhà. Qua dò hỏi, biết được ông Võ Trọng H (thẩm phán) là người được giao thụ lý, xét xử vụ này nên khi nghe thẩm phán H gợi ý về số tiền "*bồi dưỡng*" để ông H giúp đỡ theo hướng có lợi cho mình, ông G đã đồng ý. Sau đó, ông G đã đưa cho H ba lượng vàng SJC và một triệu đồng. Đến cuối tháng 12/2002, thấy thẩm phán H vẫn chưa đưa vụ án ra xử mà tiếp tục đòi ông G đưa thêm năm triệu đồng nữa nên ông G nghi ngờ thẩm phán H không thực hiện lời hứa. Ngày 15/3/2003, ông G hện ông H ra quán cafe, ghi âm toàn bộ

⁴ Xem: Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 19/11/2004, tr. 6.

cuộc nói chuyện làm bằng chứng và làm đơn tố giác việc ông H nhận hối lộ đến các cơ quan chức năng. Ngày 4/5/2004, Cơ quan điều tra khởi tố ông Nguyễn Thanh G về tội đưa hối lộ.

2) Vụ thứ hai: Ông Nguyễn Văn Ch cùng đại diện gia đình kiện đòi nhà. Từ sự chỉ dẫn của một luật sư, ông Ch đã tiếp xúc với thẩm phán Nguyễn Thị H (người thụ lý vụ kiện) vào giữa năm 2001. Sau đó, bà H lần lượt đòi 2 cây vàng, 1.500 USD và năm triệu đồng để lo vụ việc. Ông Ch đưa tiền, vàng nhưng đã ghi âm và cầm giấy biên nhận của bà H để làm bằng chứng. Vụ việc không diễn ra suôn sẻ như đã thỏa thuận nên tháng 3/2004, ông Ch tố cáo bà. Sau khi khởi tố bà Nguyễn Thị H về tội nhận hối lộ ngày 8/11/2004 và đến ngày 15/11/2004, Cơ quan điều tra khởi tố ông Nguyễn Văn Ch về tội đưa hối lộ.

2. Một số ý kiến bình luận. Đối chiếu nội dung hai vụ án trên với những điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự cho một người phạm tội đưa hối lộ, chúng tôi có một số ý kiến bình luận sau đây.

1) Về điều kiện thứ nhất, người phạm tội đã thực hiện hành vi thỏa mãn cấu thành tội đưa hối lộ theo quy định của Bộ luật Hình sự (Điều 289). So sánh với nội dung hai vụ án cho thấy:

a) Vụ thứ nhất: Hành vi đưa hối lộ (ba lượng vàng SJC và một triệu đồng) của ông Nguyễn Thanh G cho ông Võ Trọng H (thẩm phán) để giúp đỡ giải quyết vụ việc theo hướng có lợi cho mình thỏa mãn cấu thành tội đưa hối lộ được quy định tại Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999.

b) Vụ thứ hai: Hành vi đưa hối lộ (tiền, vàng) của ông Nguyễn Văn Ch cho bà Nguyễn Thị H (thẩm phán) là người thụ lý vụ kiện để lo vụ việc của mình nên cũng đã thỏa mãn cấu thành tội đưa hối lộ được quy định tại Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999.

2) Về điều kiện thứ hai, có bốn dấu hiệu: mặc dù chưa bị phát giác (i) và không bị bất kỳ ai ép buộc (ii) nhưng người phạm tội đã chủ động khai báo, tự khai nhận về hành vi phạm tội của mình (iii) và tố giác hành vi phạm tội của người có chức vụ, quyền hạn trước cơ

quan Nhà nước có thẩm quyền (iv). So sánh với nội dung hai vụ án cho thấy:

a) Trong cả hai trường hợp, hai vụ án trên đều chưa bị phát giác (nếu ông Nguyễn Thanh G và ông Nguyễn Văn Ch không tố giác về việc nhận hối lộ của ông Võ Trọng H và bà Nguyễn Thị H với cơ quan điều tra thì các vụ án này sẽ không bị phát hiện và xử lý được) – phù hợp dấu hiệu (i).

b) Đối với vụ án thứ nhất, ông Nguyễn Thanh G sau khi nghe thẩm phán Võ Trọng H gợi ý về số tiền “bồi dưỡng” để giúp đỡ theo hướng có lợi cho mình nên đã đồng ý (thỏa mãn dấu hiệu không bị ai ép buộc); còn đối với vụ án thứ hai ông Nguyễn Văn Ch cũng đã đồng ý đưa hối lộ sau khi tiếp xúc với thẩm phán Nguyễn Thị H, do đó cũng thỏa mãn dấu hiệu không bị ai ép buộc (mặc dù ông Ch khai là bị ép buộc) – phù hợp dấu hiệu (ii).

c) Cả hai vụ án này, ông Nguyễn Thanh G và ông Nguyễn Văn Ch đều đã chủ động khai báo và tố giác hành vi phạm tội nhận hối lộ của ông Võ Trọng H và bà Nguyễn Thị H trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Cơ quan điều tra) và đã bị khởi tố và đưa ra xử lý nên chính vì vậy, – phù hợp các dấu hiệu (iii) và (iv).

d) Vì cả hai vụ án này, mặc dù thỏa mãn các dấu hiệu khác nhưng không có dấu hiệu “vì bị ép buộc...” nên đã loại trừ việc áp dụng quy định tại đoạn 1 khoản 6 Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999 là: “Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được coi là không có tội và trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ”; đồng thời chỉ dẫn việc xem xét có áp dụng quy định tại đoạn 2 khoản 6 Điều luật này hay không – đó là quy định: “Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ”. Cho nên, từ đây vấn đề cần xem xét là đối với ông Nguyễn Thanh G và ông Nguyễn Văn Ch có thể được miễn trách nhiệm hình sự hay không? Như vậy, xử hay không xử (miễn trách nhiệm hình sự) trong các trường hợp này tùy thuộc

vào sự đánh giá của các cơ quan tiến hành tố tụng và sự đánh giá này phải dựa trên những quy định của pháp luật hình sự, đồng thời cần phải phân loại rõ mục đích (và động cơ) đưa hối lộ của người phạm tội. Về vấn đề này, chúng tôi xin dẫn lời của Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Trần Thế Vương khi trả lời phỏng vấn báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh: *“Đưa hối lộ để nhận được tẩm bổ thật nhưng học giả, hoặc đưa hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ quân sự, hoặc để làm việc gì đó có lợi cho anh ta. Những dạng ấy phải trừng trị. Trong thực tế cũng có những đôi tượng những nhiều buộc người ta phải hối lộ mới giải quyết công việc mà đáng ra anh ta phải làm. Ví dụ: người ta bị bệnh, đến bệnh viện khám nhưng bác sĩ lơ đãng, đòi phải đưa tiền mới cứu chữa...”*⁵. Nói một cách khác, đúng như Luật gia Thu Trang đã chỉ ra các mục đích đưa hối lộ để xem xét có xử hay không xử (miễn trách nhiệm hình sự) cho người phạm tội, đó là: *“Nếu hành vi đưa hối lộ có tổ chức, dùng thủ đoạn xảo quyệt, của hối lộ có giá trị lớn, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng như trường hợp vụ án Năm Cam thì dù chủ động khai báo trước khi bị phát giác thì cũng không thể miễn trách nhiệm hình sự và trả lại... Nhưng nếu hành vi đưa hối lộ... do người phạm tội có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, do hiểu biết pháp luật kém nên ngộ nhận rằng phải “chạy” mới được việc, sau khi phạm tội lương tâm thấy cắn rứt đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác thì được miễn trách nhiệm hình sự...”*⁶. Như vậy, đối chiếu nội dung hai vụ án trên với các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về miễn trách nhiệm hình sự, chúng tôi nhận thấy:

1) Về vụ án thứ nhất, mục đích (động cơ) tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của ông Nguyễn Thanh G là do ông Võ Trọng H không làm theo yêu cầu của mình (kết quả không có lợi cho mình), nên

ông G đã đòi lại tiền và do không đòi được nên mới chủ động tố cáo trước khi bị phát giác. Như vậy, ở đây mục đích (động cơ) tố giác người nhận hối lộ (người có chức vụ, quyền hạn) trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của ông G không xuất phát từ sự ăn năn hối cải, từ sự tự nhận thức về hành vi sai trái vi phạm pháp luật của mình, từ tinh thần đấu tranh phòng và chống tội phạm của mỗi công dân trong xã hội, mà trái lại – xuất phát từ việc ông H không làm theo yêu cầu của mình nên đòi lại tiền và không đòi được nên mới tố cáo. Cho nên, ông Nguyễn Thanh G vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng có thể xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

1) Về vụ án thứ hai, mục đích (động cơ) tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của ông Nguyễn Văn Ch cũng vậy, do bà Nguyễn Thị H không làm theo yêu cầu của mình (kết quả không suôn sẻ và có lợi cho mình), nên ông Ch đã chủ động tố cáo trước khi bị phát giác. Tương tự như vậy, mục đích (động cơ) tố giác người nhận hối lộ (người có chức vụ, quyền hạn) trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của ông Ch cũng không xuất phát từ sự ăn năn hối cải, từ sự tự nhận thức về hành vi sai trái vi phạm pháp luật của mình, từ tinh thần đấu tranh phòng và chống tội phạm của mỗi công dân trong xã hội, mà trái lại – xuất phát từ việc do không suôn sẻ, trôi chảy trong vụ kiện do bà H thụ lý sẽ giải quyết nó theo hướng có lợi cho mình. Cho nên, ông Nguyễn Văn Ch cũng vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng có thể xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Tóm lại, xử hay không xử (miễn trách nhiệm hình sự) phụ thuộc vào sự cân nhắc, đánh giá của các cơ quan tiến hành tố tụng trong từng trường hợp cụ thể để tránh việc gây ra tâm lý chán nản, tiêu cực, không phát huy tinh thần dám đấu tranh phòng chống tội phạm và dám tố giác tội phạm. Cho nên, vấn đề chúng ta cần xem xét là cần nhận thấy hối lộ là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, là một

⁵ Xem: Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 19/11/2004, tr. 6.

⁶ Xem: Thu Trang, Đưa hối lộ: Trị thật nghiêm nhưng... (dã dẫn), tr. 7.

(Xem tiếp trang 74)

“...cư trú của bị đơn hoặc nơi có trụ sở chính của bên có nghĩa vụ chính trong hợp đồng”.

Công ước không quy định thêm về việc xác định bên có nghĩa vụ chính trong hợp đồng, nhưng theo quy định của pháp luật quốc gia về hợp đồng thì tùy thuộc vào từng loại hợp đồng để xác định luật áp dụng cho hợp đồng đó. Ví dụ như trong hợp đồng mua bán hàng hoá thì áp dụng luật nước người bán; Hợp đồng bảo hiểm thì áp dụng luật nước bên bảo hiểm; Hợp đồng vận tải thì áp dụng luật của bên vận tải; Hợp đồng cho vay thì áp dụng luật của bên cho vay...

Đặc biệt, Công ước cũng cho phép trong trường hợp ngoại lệ *“nếu một trong các bên trong hợp đồng có mối quan hệ gắn bó với một quốc gia khác thì cũng có thể áp dụng hệ thống pháp luật của quốc gia này”*, nhưng với điều kiện việc áp dụng đó không làm phá vỡ tính thống nhất của hợp đồng.

Kết luận

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế, đang đứng trước nhiều khó khăn thử thách của quá trình phát triển, trong thời gian qua, hệ thống pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế không ngừng được xây dựng và hoàn thiện nhằm đáp ứng được nhu cầu đặt ra của quá trình toàn cầu hoá. Tuy nhiên, có thể nhận thấy hệ thống pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế của Việt Nam còn thiếu, chưa đầy đủ và chưa phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, nhất là trong lĩnh vực pháp luật về hợp đồng. Vừa qua, nhiều văn bản pháp luật mới đã được ban hành hoặc sửa đổi bổ sung như Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Thương mại 2005... nhằm dần tiến tới phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập, thúc đẩy các quan hệ quốc tế trên mọi lĩnh vực, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước. Hy vọng rằng với những thông tin tìm hiểu pháp luật quốc tế trên đây sẽ có ý nghĩa tham khảo cho các cơ quan lập pháp và các nhà nghiên cứu, các thương nhân đang và sẽ tham gia các giao dịch trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

(Tiếp theo trang 36 – Về trường hợp ...)

thể thống nhất, hữu cơ và chặt chẽ của hai mặt đối lập của một vấn đề (hành vi đưa và nhận). Do đó, nếu chúng ta muốn hiện tượng tiêu cực này mất đi trong xã hội hoặc chỉ ít chỉ còn là hiện tượng cá biệt trong xã hội thì *“không thể loại trừ một mặt nào đó mà phải tiến hành đồng thời việc đấu tranh loại trừ cả hai hành vi đưa và hành vi nhận hối lộ”*⁸. Tuy vậy, khi xem xét từng vụ án cụ thể cũng cần có chính sách nhân đạo, khoan hồng (cụ thể ở đây là miễn trách nhiệm hình sự) đối

với trường hợp người đưa hối lộ vì một lý do đặc biệt không thể tự giải quyết được mà phải đưa hối lộ theo yêu cầu của người có chức vụ, quyền hạn, đồng thời khi họ có nhân thân tốt, thực sự ăn năn hối cải và mong muốn sửa chữa sai lầm, cũng như góp phần tích cực trong việc tố giác người có chức vụ, quyền hạn nhận hối lộ trước khi bị phát giác, thì điều đó cũng thể hiện rất rõ trách nhiệm công dân của bản thân họ trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm – nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và toàn xã hội, cho nên việc miễn trách nhiệm hình sự cho họ là hoàn toàn phù hợp và có ý nghĩa thiết thực.

⁸ Xem thêm: *Thu Trang*. Đưa hối lộ: Trị thật nghiêm nhưng... (dẫn), tr. 7.